

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BA ĐÌNH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 493 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 10 năm 2021

*V/v Tranh chấp HN&GD*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: - Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lương Thị Phương

- Bà Nguyễn Thị Thụy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày tháng năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2021/QĐXX ngày 02/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị H1** - Sinh năm: 1972.

HKTT và nơi ở: Phố N, TT. N, huyện N, tỉnh Ninh Bình

*Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt)*

Bị đơn: **Anh Trịnh Xuân H2** - Sinh năm: 1961

HKTT và nơi ở: số 13 N, Đ, Ba Đình, TP. Hà Nội.

*Vắng mặt tại phiên tòa;*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại Đơn xin ly hôn ngày 22/2/2021 và bản tự khai ngày 17/5/2021 tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:**

Chị H1 và anh H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2011 tại UBND phường Đ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: số 13 N, Đ, Ba Đình, TP. Hà Nội (là nhà của bố mẹ để lại cho anh H2). Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trở lên trầm trọng và không tìm được cách giải quyết. Anh H2 bỏ bê gia đình vợ con. Cuộc sống của anh chị trở lên trầm trọng, không thể hòa giải với nhau.

Tới khoảng tháng 12 năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng chị H1 đã mang con đã về nhà mẹ đẻ tại: Phố N, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình và sống ly thân sau đó chị H1 và anh H2 đã được gia đình động viên, hòa giải và sống ly thân từ thời điểm trên đến nay. Chị H1 và anh H2 đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần, nhưng anh chị đều không tìm được tiếng nói chung, không hàn gắn được tình cảm.

Nay chị H1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn xin ly hôn anh Trịnh Xuân H2.

- Về con chung: chị Vũ Thị H1 và anh Trịnh Xuân H2 có một con chung là cháu Trịnh Thanh H3, sinh ngày 28/7/2011. Khi ly hôn hai anh chị đều có mong muốn được nuôi dưỡng con chung; Xét thấy chị H1 ở cùng bố mẹ, ông bà có thể cùng chị chăm sóc cho cháu H3, chị đi làm có thu nhập với mức 7.136.000 đồng/tháng. Hiện tại cháu H3 cũng đã chuyển về Ninh Bình và sinh sống học tập cùng mẹ tại đây. Anh H1 không có công việc ổn định, không có thu nhập bản thân anh cũng khai là đang mắc bệnh thường xuyên phải đi bệnh viện điều trị bệnh. Để bảo đảm cuộc sống cho cháu H3, xét thấy, chị H1 đủ điều kiện để xin được là người trực tiếp nuôi và chăm sóc con chung.

- Về tài sản và nhà ở chung: Chị H1 và anh H2 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về vay nợ: Chị H1 và anh H2 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H1 tự nguyện chịu cả tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Trịnh Xuân H có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt tới số 13 N, phường Đ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Anh cũng đã có biên bản lấy lời khai, ý kiến trong biên bản hòa giải ngày 08/7/2021 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

***Tại biên bản làm việc với tổ trưởng dân phố số 6 phường Đ với bà Đào Thị L trình bày:***

Chị H1 và anh H2 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới. Sau khi cưới anh chị về sống tại địa chỉ số 13 N, phường Đ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Quá trình chung

sống anh H2 và chị H1 có một con chung là con gái Trịnh Thanh H3. Trong cuộc sống vợ chồng, anh H2 và chị H1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng. Thực tế anh chị đều tự hòa giải, anh chị không mời chính quyền địa phương hòa giải.

Tới thời điểm lập biên bản làm việc này, chị H1 và con đã không còn sinh sống tại địa bàn, chỉ có anh H2 đang sinh sống tại địa chỉ trên. Khi rời đi, chị H1 không khai báo với chính quyền địa phương nên tổ dân phố không có thông tin để cung cấp.

Nay khi Tòa án tới làm biên bản tổ dân phố mới biết về việc anh H1 và chị H2 đang xin ly hôn tại Tòa án, tổ dân phố không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021, ngày 05/7/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 08/7/2021 với anh Trịnh Xuân H2 trình bày:***

Anh H2 xác nhận mâu thuẫn của hai vợ chồng như chị H1 trình bày, mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ việc anh đánh đập chị H1, bỏ bê gia đình. Thời gian, chị H1 bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống anh cũng đã nhiều lần liên hệ với chị H1 và con, khuyên can chị H1 nhưng chị H1 không đồng ý quay về chung sống với anh. Nay bản thân anh vẫn còn tình cảm với vợ, song nếu chị H1 kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh H2 và chị H1 có 01 con chung là Trịnh Thanh H3, sinh ngày 28/7/2011. Bản thân anh cũng mong muốn được nuôi con, nhưng anh không có thu nhập, công việc ổn định. Anh đang sống nhờ vào trợ cấp hàng tháng của địa phương. Bản thân cũng mắc bệnh tật phải thường xuyên điều trị tại bệnh viện. Nên anh mong muốn chị H1 và con có thể dọn lên Hà Nội và sống cùng anh hoặc chị H1 cho anh về Ninh Bình sống cùng hai mẹ con.

Về tài sản, nhà ở, công nợ chung: Anh xác nhận anh và chị H1 không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H1 đã tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật và anh cũng đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay chị Vũ Thị H1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Đơn ly hôn và bản tự khai tại Tòa án, và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Anh Trịnh Xuân H2 không có mặt (không có đơn xin xét xử vắng mặt gửi tới Tòa án; Đây cũng là lần vắng mặt thứ 2 của anh Hùng).

***Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, Viện kiểm sát nhận thấy về tố tụng, Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ. Việc chuyển hồ sơ vụ án và Quyết định đến VKS đúng

thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Áp dụng: khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 27, Điều 51, 56, 58, 63, 70, 71, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2016; và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

- Đề nghị:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị H1

Đề nghị HĐXX cho chị Vũ Thị H1 được ly hôn với anh Trịnh Xuân H2. Vì hôn nhân giữa chị H1 và anh H2 là hôn nhân hợp pháp, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

2. Về con chung: Anh H2 và chị H2 có 01 con chung là Trịnh Thanh H3, sinh ngày 28/7/2011. Nay ly hôn, do anh H2 không có công việc, thu nhập ổn định ngoài ra anh H2 thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện, anh H2 sống một mình không ai giúp đỡ. Hiện nay, chị H1 đang là người chăm sóc con chung. Do đó, đề nghị giao con chung cho chị Hồng là người trực tiếp nuôi và chăm sóc con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H2. Chị H1 phải đảm bảo quyền đi lại, thăm nom con chung của anh H2.

3. Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: Chị H1 và anh H2 không có yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Hồng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:* Anh Trịnh Xuân H2 vắng mặt lần thứ hai, anh H2 không có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 70, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H2.

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị H1 và anh Trịnh Xuân H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2011 tại UBND phường Đ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị H1 và anh Trịnh Xuân H2 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống lối sống, anh H2 thường xuyên bỏ bê gia đình, đánh đập chị H1, cãi vã to tiếng với vợ con. Nay chị H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ là

không thể, chị H1 xin ly hôn anh H2. Anh H2 không tới Tòa án nhưng đã có biên bản lấy lời khai và ý kiến ghi nhận trong biên bản hòa giải ngày 08/7/2021 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Trong các văn bản này anh đều thừa nhận mâu thuẫn gia đình, lời khai của chị H1 là đúng sự thật, anh đã nhận đầy đủ các văn bản tổng đạt của Tòa án và có quan điểm cá nhân gửi tới Tòa. Điều này cho thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H1 xin ly hôn, anh H2 không có ý kiến gì. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với điều 55, 56 luật hôn nhân và gia đình nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Anh H2 và chị H1 có 01 con chung là Trịnh Thanh H3, sinh ngày 28/7/2011. Nay ly hôn, do anh H2 là người đơn thân thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện, bản thân không có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc chăm sóc con chung, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H3, HĐXX xem xét giao con chung cho chị H1 là người trực tiếp nuôi và chăm sóc con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H2. Chị H1 phải đảm bảo quyền đi lại, thăm nom con chung của anh H2.

- *Về tài sản và nhà ở chung, công nợ chung*: chị Vũ Thị H1 và anh Trịnh Xuân H2 không có tài sản và nhà ở chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- *Về án phí sơ thẩm*: Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Chị Vũ Thị H và anh Trịnh Xuân H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 70, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1, Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị H1

**Chị Vũ Thị H1 được ly hôn anh Trịnh Xuân H2.**

2, Về con chung: Chị Vũ Thị H1 và anh Trịnh Xuân H2 có 01 con chung là Trịnh Thanh H3, sinh ngày 28/7/2011. Hiện cháu H3 đang sống cùng với chị H1.

Giao cháu Trịnh Thị H3 cho chị Vũ Thị H1 tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục đến khi cháu Hiền đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung với anh Trịnh Xuân H2. Anh Trịnh Xuân H2 có quyền thăm gặp con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà ở và công nợ chung: chị H1 và anh H2 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H1 phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0067783 ngày 13/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Án xử công khai sơ thẩm tuyên có mặt chị Vũ Thị H1, vắng mặt anh Trịnh Xuân H2; Chị Vũ Thị H1 và anh Trịnh Xuân H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**VŨ THỊ NGUYỆT**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA